



## CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM

(Áp dụng Tháng 02/2026)

| TÊN NHÂN VIÊN          | KHU VỰC/ HỆ THỐNG                                    | CHỈ TIÊU THÁNG 02.2026 |
|------------------------|------------------------------------------------------|------------------------|
| TỔNG DOANH SỐ SALE REP |                                                      | 4,428,000,000          |
| Hứa Thị Ngọc Thơ       | Quận 2, 4, 7, 10, Nhà Bè                             | 885,600,000            |
| Nguyễn Quốc Thái       | Quận 6, 11, Bình Thạnh, Bình Tân, Bình Thạnh, Gò Vấp | 811,800,000            |
| Nguyễn Văn Vinh        | Quận 1, 3, 5, 9, Phú Nhuận, Thủ Đức cũ               | 885,600,000            |
| Trần Hạo Nhị           | Quận 8, 12, Củ Chi, Hóc Môn, Tân Bình, Tân Phú       | 811,800,000            |
| Trần Cao Hoàng Tâm     | Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu              | 1,033,200,000          |
| TỔNG DOANH SỐ SALE SUP |                                                      | 7,380,000,000          |
| Dương Thị Kim Hồng     | COOP, MM, AEON, KFM,...                              | 3,690,000,000          |
| Trương Quang Thanh     | WCM, BIG C, LOTTE                                    | 3,690,000,000          |

Ngày 29 tháng 01 Năm 2026

TP. KINH DOANH



BÙI THỊ KIM DUNG



(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

THƯỜNG DOANH SỞ  
KINH SIÊU THỊ MỸ TÂM PHỤ TRÁCH

| CƠ CẤU LƯƠNG THUỞNG PHÒNG KINH DOANH 2026                                 |                                                                                                                                      |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|------------------------------------------------|--|-------------------------------------------|--|------------------------------------------|--|-----------------------------------------|--|------|--|--|--|--|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>KÊNH SIÊU THỊ MR TÂM PHỤ TRÁCH                         |                                                                                                                                      |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| KHU VỰC:<br>BÌNH<br>DƯƠNG,<br>ĐỒNG NAI,<br>BÀ RỊA -<br>VŨNG TÀU           | KPI                                                                                                                                  | THÁNG 2,8,11/2026<br>1.033.200.000 VND /THÁNG |  | THÁNG 3,4,5,6,9/2026<br>803.600.000 VND /THÁNG |  | THÁNG 7,10/2026<br>918.400.000 VND /THÁNG |  | THÁNG 12/2026<br>1.148.000.000VND /THÁNG |  | THÁNG 1/2027<br>1.377.600.000VND /THÁNG |  |      |  |  |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                      | >=50%                                         |  | >=50%                                          |  | >=50%                                     |  | >=50%                                    |  | >=50%                                   |  |      |  |  |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                      | >=100%                                        |  | >=100%                                         |  | >=100%                                    |  | >=100%                                   |  | >=100%                                  |  |      |  |  |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                      | >=130%                                        |  | >=130%                                         |  | >=130%                                    |  | >=130%                                   |  | >=130%                                  |  |      |  |  |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                      | 0.7%                                          |  | 1.2%                                           |  | 1.4%                                      |  | 0.7%                                     |  | 1.2%                                    |  | 1.4% |  |  |  |  |
| thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |                                                                                                                                      |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| Lương căn bản & phụ cấp(nếu có) : tính trên ngày công thực tế             |                                                                                                                                      |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 1                                                                         | Chỉ tiêu doanh số của mỗi NVKD sẽ do GDDH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                     |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 2                                                                         | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                       |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 3                                                                         | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                       |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 4                                                                         | Phụ cấp xăng và com sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng(số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày) (nếu có) |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 5                                                                         | Địa bàn làm việc của từng NVKD sẽ do GDDH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                                |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |
| 6                                                                         |                                                                                                                                      |                                               |  |                                                |  |                                           |  |                                          |  |                                         |  |      |  |  |  |  |

**GIÀM ĐỐC**

**ĐÀNG XUÂN NGỌC**



# CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM KÊNH MT NĂM 2026

(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

## CƠ CẤU LƯƠNG THƯỜNG PHÒNG KINH DOANH 2026

| CƠ CẤU LƯƠNG THƯỜNG PHÒNG KINH DOANH 2026                     |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------|------------------------|---------|---------|------------------------|---------|---------|------------------------|---------|---------|--------------------------|--|--|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>KÊNH SIÊU THỊ MS THƠ PHỤ TRÁCH             |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| KHU VỰC:<br>QUẬN 2,4,7,10,<br>NHÀ BÈ                          | KPI                                                                                                                                  |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
|                                                               |                                                                                                                                      | THÁNG 2,8,11/2026                                                         |         |         | THÁNG 3,4,5,6,9/2026   |         |         | THÁNG 7,10/2026        |         |         | THÁNG 12/2026          |         |         | THÁNG 1/2027             |  |  |
|                                                               |                                                                                                                                      | 885.600.000 VNĐ /THÁNG                                                    |         |         | 688.800.000 VNĐ /THÁNG |         |         | 787.200.000 VNĐ /THÁNG |         |         | 984.000.000 VNĐ /THÁNG |         |         | 1.180.800.000 VNĐ /THÁNG |  |  |
|                                                               |                                                                                                                                      | >=50%                                                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% | >= 130% |                          |  |  |
|                                                               |                                                                                                                                      | 0,7%                                                                      | 1,2%    | 1,4%    | 0,7%                   | 1,2%    | 1,4%    | 0,7%                   | 1,2%    | 1,4%    | 0,7%                   | 1,2%    | 1,4%    |                          |  |  |
|                                                               |                                                                                                                                      | thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| Lương căn bản & phụ cấp(nếu có) : tính trên ngày công thực tế |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 1                                                             | Chỉ tiêu doanh số của mỗi NVKD sẽ do GDBH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                     |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 2                                                             | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                       |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 3                                                             | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                       |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 4                                                             | Phụ cấp xăng và com sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng(số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày )(nếu có) |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 5                                                             | Địa bàn làm việc của từng NVKD sẽ do GDBH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                                |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |
| 6                                                             |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                          |  |  |

TPHCM, ngày 02 tháng 01 năm 2026

MỘT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
NGỌC THỊNH

DẶNG XUAN NGOC



CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM KÊNH MT NĂM 2026  
(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

| CƠ CẤU LƯƠNG THƯỜNG PHÒNG KINH DOANH 2026                                 |                                                                                                                                     |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|---------|------------------------|---------|---------|------------------------|---------|---------|------------------------|---------|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>KÊNH SIÊU THỊ MR VINH PHÚ TRÁCH                        |                                                                                                                                     |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| KHU VỰC:<br>QUẬN 1,3,5,9,<br>PHÚ NHUẬN,<br>THỦ ĐỨC CỬ                     | KPI                                                                                                                                 |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
|                                                                           |                                                                                                                                     | THÁNG 2,8,11/2026      |         |         | THÁNG 3,4,5,6,9/2026   |         |         | THÁNG 7,10/2026        |         |         | THÁNG 12/2026          |         |
|                                                                           |                                                                                                                                     | 885.600.000 VND /THÁNG |         |         | 688.800.000 VND /THÁNG |         |         | 787.200.000 VND /THÁNG |         |         | 984.000.000 VND /THÁNG |         |
|                                                                           |                                                                                                                                     |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
|                                                                           |                                                                                                                                     | >=50%                  | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% | >= 130% | >=50%                  | >= 100% |
|                                                                           |                                                                                                                                     | 0.7%                   | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                   | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                   | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                   | 1.2%    |
| thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |                                                                                                                                     |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 1                                                                         | Lương căn bản & phụ cấp(nếu có) : tính trên ngày công thực tế                                                                       |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 2                                                                         | Chỉ tiêu doanh số của mỗi NVKD sẽ do GDDH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                    |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 3                                                                         | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                      |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 4                                                                         | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                      |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 5                                                                         | Phụ cấp xăng và com sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng(số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày)(nếu có) |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |
| 6                                                                         | Địa bàn làm việc của từng NVKD sẽ do GDDH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                               |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |         |                        |         |

TPHCM, ngày 02 tháng 01 năm 2026  
GIÁM ĐỐC  
MỘT THÀNH MIỀN  
THƯƠNG MẠI VÀ  
DỊCH VỤ  
NGOC THON  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
DẶNG XUÂN NGỌC



CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM KÊNH MT NĂM 2026  
(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

| CƠ CẤU LƯƠNG THUỞNG PHÒNG KINH DOANH 2026                          |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------|------------------------------------------------|---------|---------|-------------------------------------------|---------|---------|-----------------------------------------|---------|---------|------------------------------------------|--|--|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>KÊNH SIÊU THỊ MR NHỊ PHỤ TRÁCH                  |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| KHU VỰC:<br>QUẬN 8,12, CÙ<br>CHI, HỌC MÔN,<br>TÂN BÌNH, TÂN<br>PHÚ | KPI                                                                                                                                  |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
|                                                                    |                                                                                                                                      | THÁNG 2,8,11/2026<br>811.800.000 VND /THÁNG                               |         |         | THÁNG 3,4,5,6,9/2026<br>631.400.000 VND /THÁNG |         |         | THÁNG 7,10/2026<br>721.600.000 VND /THÁNG |         |         | THÁNG 12/2026<br>902.000.000 VND /THÁNG |         |         | THÁNG 1/2027<br>1.082.400.000 VND /THÁNG |  |  |
|                                                                    |                                                                                                                                      | >=50%                                                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                                          | >= 100% | >= 130% | >=50%                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                                   | >= 100% | >= 130% |                                          |  |  |
|                                                                    |                                                                                                                                      | 0.7%                                                                      | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                           | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                      | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                    | 1.2%    | 1.4%    |                                          |  |  |
|                                                                    |                                                                                                                                      | thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| Lương căn bản & phụ cấp (nếu có) : tính trên ngày công thực tế     |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 1                                                                  | Chỉ tiêu doanh số của mỗi NVKD sẽ do GDBH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                     |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 2                                                                  |                                                                                                                                      |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 3                                                                  | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                       |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 4                                                                  | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                       |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 5                                                                  | Phụ cấp xăng và cơm sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng(số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày) (nếu có) |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |
| 6                                                                  | Địa bàn làm việc của từng NVKD sẽ do GDBH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                                |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |         |                                          |  |  |

TPHCM, ngày 02 tháng 01 năm 2026  
MỘT THÀNH VIÊN  
THƯƠNG MẠI VÀ  
DỊCH VỤ  
NGOẠI THƯƠNG  
CÔNG TY TNHH  
THƯƠNG MẠI VÀ  
DỊCH VỤ  
NGOẠI THƯƠNG  
TPHCM  
ĐẶNG XUÂN NGỌC



CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM KÊNH MT NĂM 2026  
(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

| CƠ CẤU LƯƠNG THƯỜNG PHÒNG KINH DOANH 2026                                 |                                                                                                                                       |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------|------------------------------------------------|---------|---------|-------------------------------------------|---------|---------|-----------------------------------------|---------|------------------------------------------|--|--|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>KÊNH SIÊU THỊ MR THAI PHỤ TRÁCH                        |                                                                                                                                       |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| Khu vực:<br>QUẬN 6, 11, BÌNH<br>CHÁNH, BÌNH<br>TÂN, BÌNH<br>THÀNH, CỎ VẤP | KPI                                                                                                                                   |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                       | THÁNG 2,8,11/2026<br>811.800.000 VND /THÁNG                               |         |         | THÁNG 3,4,5,6,9/2026<br>631.400.000 VND /THÁNG |         |         | THÁNG 7,10/2026<br>721.600.000 VND /THÁNG |         |         | THÁNG 12/2026<br>902.000.000 VND /THÁNG |         | THÁNG 1/2027<br>1.082.400.000 VND /THÁNG |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                       | >=50%                                                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                                          | >= 100% | >= 130% | >=50%                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                                   | >= 100% | >= 130%                                  |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                       | 0.7%                                                                      | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                           | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                      | 1.2%    | 1.4%    | 0.7%                                    | 1.2%    | 1.4%                                     |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                       | thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
|                                                                           |                                                                                                                                       |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 1                                                                         | Lương căn bản & phụ cấp (nếu có) : tính trên ngày công thực tế                                                                        |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 2                                                                         | Chỉ tiêu doanh số của mỗi NVKD sẽ do GDDH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                      |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 3                                                                         | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                        |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 4                                                                         | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                        |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 5                                                                         | Phụ cấp xăng và cơm sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng (số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày) (nếu có) |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |
| 6                                                                         | Địa bàn làm việc của từng NVKD sẽ do GDDH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                                 |                                                                           |         |         |                                                |         |         |                                           |         |         |                                         |         |                                          |  |  |

TPHCM, ngày 02 tháng 01 năm 2026  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
NGŨC THẠCH  
BÀNG XUÂN NGỌC



CHỈ TIÊU PHÒNG KINH DOANH MIỀN NAM KÊNH MT NĂM 2026  
(Áp dụng từ Tháng 02/2026 - 01/2027)

| CƠ CẤU THƯỜNG HOA HỒNG SUP 2026         |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|---------|--------------------------|---------|---------|--------------------------|---------|---------|--------------------------|---------|--------------------------|--|
| THƯỜNG DOANH SỐ<br>SUP PHỤ TRÁCH        |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| SUP 1: COOP,<br>MM, AEON,<br>KFM, OTHER | KPI                                                                                                                                 |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|                                         |                                                                                                                                     | THÁNG 2,8,11/2026                                                         |         |         | THÁNG 3,4,5,6,9/2026     |         |         | THÁNG 7,10/2026          |         |         | THÁNG 12/2026            |         | THÁNG 1/2027             |  |
|                                         |                                                                                                                                     | 3.690.000.000 VND /THÁNG                                                  |         |         | 2.870.000.000 VND /THÁNG |         |         | 3.280.000.000 VND /THÁNG |         |         | 4.100.000.000 VND /THÁNG |         | 4.920.000.000 VND /THÁNG |  |
|                                         |                                                                                                                                     | >=50%                                                                     | >= 100% | >= 130% | >=50%                    | >= 100% | >= 130% | >=50%                    | >= 100% | >= 130% | >=50%                    | >= 100% | >= 130%                  |  |
|                                         |                                                                                                                                     | 0,15%                                                                     | 0,3%    | 0,35%   | 0,15%                    | 0,3%    | 0,35%   | 0,15%                    | 0,3%    | 0,35%   | 0,15%                    | 0,3%    | 0,35%                    |  |
| SUP 2: WCM,<br>BIG C, LOTTE             |                                                                                                                                     | thường 1.500.000 đạt 2 tháng 100%DS & thường 2.000.000 đạt 3 tháng 100%DS |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|                                         |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|                                         |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|                                         |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
|                                         |                                                                                                                                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 1                                       | Lương căn bản & phụ cấp(nếu có) : tính trên ngày công thực tế                                                                       |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 2                                       | Chỉ tiêu doanh số của mỗi SUP sẽ do GDDH phân chia căn cứ trên chỉ tiêu doanh số mà Ban GD phân bổ hàng Quý/Năm                     |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 3                                       | Doanh số đã trừ CK và hàng trả                                                                                                      |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 4                                       | Ngày công làm việc là ngày làm việc trong tháng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (số ngày dao động tùy theo tháng)                      |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 5                                       | Phụ cấp xăng và cơm sẽ được tính theo ngày làm việc thực tế trong tháng(số ngày trong tháng bình quân được tính là 26 ngày)(nếu có) |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |
| 6                                       | Địa bàn làm việc của từng SUP sẽ do GDDH phân bổ căn cứ trên thực tế                                                                |                                                                           |         |         |                          |         |         |                          |         |         |                          |         |                          |  |

TPHCM, ngày 02 tháng 01 năm 2026  
GIẤM ĐỐC  
MỘT THÀNH VIÊN  
THƯỜNG MÃ VỊ  
DỊCH VỤ  
NGỘCTHẠM  
DẶNG XUÂN NGỌC